

VINACAPITAL-VFF

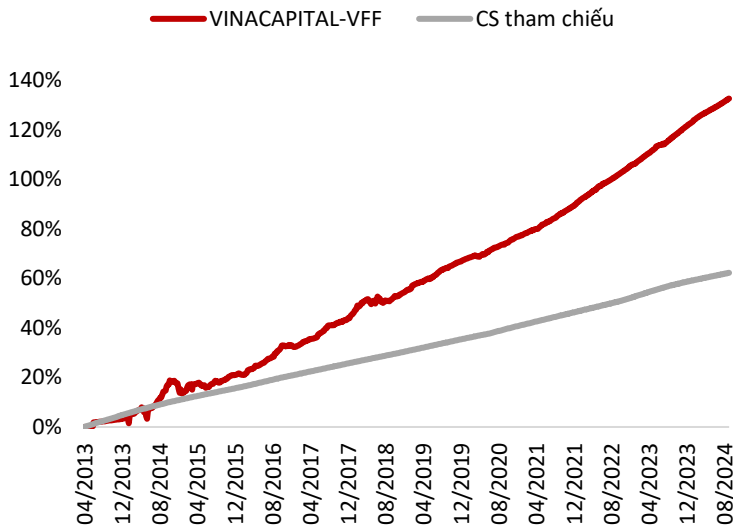
Chiến lược đầu tư

Đầu tư chủ yếu vào trái phiếu doanh nghiệp niêm yết của các doanh nghiệp có chất lượng tín dụng cao và dòng tiền ổn định; đạt điểm tín nhiệm cao theo hệ thống xếp hạng tín nhiệm nội bộ của VinaCapital.

Kết hợp đa dạng hóa các ngành nghề trong danh mục đầu tư.

Thận trọng cân đối giữa mức độ rủi ro và lợi nhuận để giảm thiểu rủi ro.

Tăng trưởng NAV từ ngày thành lập



Số liệu thể hiện là kết quả đầu tư trong quá khứ, không đại diện cho kết quả đầu tư trong tương lai. Sẽ có biến động đối với vốn gốc và lợi nhuận đầu tư do đó NĐT có thể lời hoặc lỗ khi thực hiện bán chứng chỉ quỹ. Kết quả đầu tư hiện tại có thể cao hơn hoặc thấp hơn so với số liệu được trích dẫn tại báo cáo này.

Hiệu suất đầu tư của quỹ VFF

	VINACAPITAL-VFF	CSTC
Tổng tài sản (tỷ VNĐ)	1,612.9	
Giá trị tài sản ròng/CCQ (VNĐ)	23,276.5	
Lợi nhuận tháng 08/2024 (%)	0.5	0.4
Lợi nhuận từ đầu năm 2024 (%)	4.4	3.2
Lợi nhuận kép trung bình 3 năm (%/năm)	7.7	5.5
Lợi nhuận kép trung bình 5 năm (%/năm)	7.2	5.1
Lợi nhuận kép trung bình hằng năm từ khi thành lập (%/năm)	7.7	4.3
Lợi nhuận từ ngày thành lập (%)	132.8	62.3

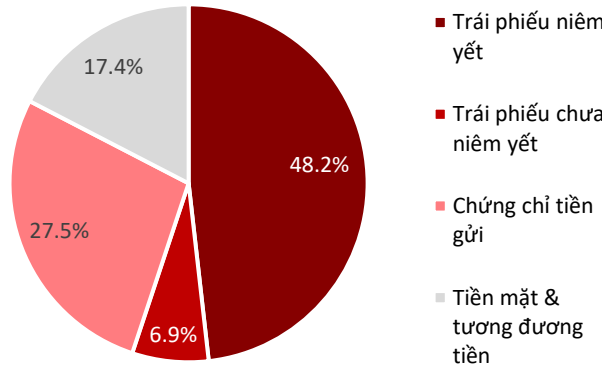
* CSTC: Chỉ số tham chiếu (Giá trị tài sản ròng của quỹ đã trừ đi các chi phí vận hành và phí quản lý)

Bộ phận Quan hệ Nhà đầu tư: irwm@vinacapital.com

Tel: +84 28 38 27 85 35

Phân bổ tài sản

% Giá trị tài sản ròng



Thông tin quỹ

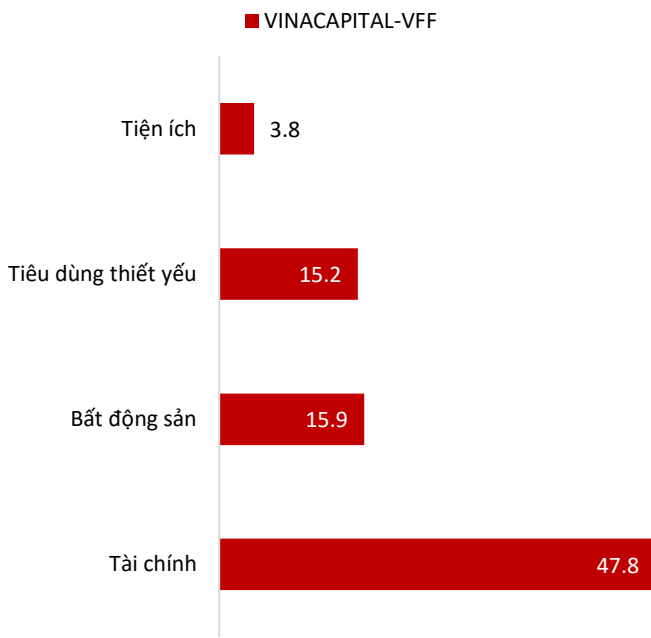
Ngày thành lập	01/04/2013
Phí quản lý	0.95%/năm
Phí phát hành	0.0%
Phí mua lại	2.0% < 12 tháng
	0.5% >= 12 tháng
	0.0% >= 24 tháng
Thuế thu nhập cá nhân	0.1%
Ngân hàng Giám sát và Lưu ký	Ngân hàng Standard Chartered Việt Nam
Công ty kiểm toán	PwC Việt Nam
Tần suất giao dịch	Thứ Ba và thứ Năm hằng tuần

Chỉ số tham chiếu (CSTC) Bình quân lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng thanh toán lãi cuối kỳ của 4 ngân hàng cổ phần thương mại nhà nước gồm Vietcombank, BIDV, VietinBank và Agribank.

Chỉ số danh mục đầu tư

Thời gian đáo hạn bình quân	1.2
Lợi suất khi đáo hạn (%)	6.7

Phân bổ theo ngành



Cập nhật thị trường và quỹ VINACAPITAL-VFF

Tăng trưởng sản lượng sản xuất của Việt Nam vẫn tiếp tục tăng từ đầu năm 2024 tới nay, sẽ giúp thúc đẩy tăng trưởng GDP của đất nước vào đầu năm 2025. Tăng trưởng sản lượng sản xuất ổn định ở mức khoảng 6% svck vào đầu năm nay và sau đó tăng tốc, đạt mức tăng trưởng gần 10% yoy trong 8 tháng đầu năm 2024.

Sự phục hồi trong lĩnh vực sản xuất được thúc đẩy bởi xuất khẩu sang Mỹ tăng 26% so với cùng kỳ (so với mức giảm 19% trong 8 tháng đầu năm 2023), từ đó khiến tổng xuất khẩu của cả nước tăng 16% trong 8 tháng đầu năm. Hàng tồn kho thành phẩm giảm hàng tháng trong năm 2024 – và với tốc độ gần kỷ lục trong cả tháng 7 và tháng 8 – theo khảo sát nhà quản trị mua hàng PMI, trong khi mức tăng trưởng của số lượng đơn đặt hàng mới vẫn ở mức gần kỷ lục trong những tháng gần đây.

Có những lo ngại về tính bền vững của xuất khẩu và sự phục hồi ngành sản xuất của Việt Nam do số liệu thống kê kinh tế yếu kém ở Mỹ. Tuy nhiên, chúng tôi không cho rằng khả năng suy thoái kinh tế Mỹ sắp xảy ra sẽ tác động đáng kể đến Việt Nam cho đến năm sau, dựa trên những chỉ số tích cực nêu trên. Ngoài ra, dữ liệu kinh tế suy yếu của Mỹ đã khiến Fed phát đi tín hiệu rõ ràng rằng họ có kế hoạch cắt giảm lãi suất khá mạnh mẽ trong năm nay và năm tới, điều này đã giảm bớt áp lực giảm giá đối với đồng VN. Hơn nữa, lạm phát, một trong những vấn đề đáng lo ngại, đã được kiểm soát tốt trong những tháng gần đây. Cụ thể, lạm phát đã giảm từ 4,4% so với cùng kỳ vào tháng 7 xuống còn 3,5% trong tháng 8, một phần do giá xăng bán lẻ giảm ~ 6% trong tháng trước. Áp lực tỷ giá giảm cùng với lạm phát hạ nhiệt đã tạo thêm dư địa cho chính sách tiền tệ của chúng ta hỗ trợ nền kinh tế.

Trên thị trường trái phiếu doanh nghiệp, tổng giá trị phát hành đạt 50,3 nghìn tỷ đồng, tăng 41,0% so với cùng kỳ năm trước. Ngành ngân hàng chiếm ưu thế với giá trị phát hành là 40,3 nghìn tỷ đồng, chiếm khoảng 80,1% tổng giá trị phát hành. Ngành này có lợi suất trung bình là 5,9% và kỳ hạn trung bình là 5,6 năm. Ngành bất động sản đóng góp khoảng 13,1% tổng giá trị phát hành, với lợi suất trung bình là 10,2% và kỳ hạn trung bình là 2,8 năm. Trong ngành này, có bốn tổ chức phát hành gồm: Vinpearl (trái phiếu quốc tế - 150 triệu đô), Becamex (1 nghìn tỷ), Kinh Bắc (1 nghìn tỷ) và Nam Long (950 tỷ). Phần còn lại của giá trị phát hành đến từ ngành xây dựng (1,89 nghìn tỷ – 3,8% tổng giá trị phát hành) và các ngành khác (1,55 nghìn tỷ – 3,1% tổng giá trị phát hành).

Danh mục đầu tư lớn

Mã	Tên Tổ chức phát hành	Tỷ trọng (%)	Lợi suất (%)	Chu kỳ đáo hạn (năm)
TCBS	CTCP Chứng khoán Kỹ thương	8.2	7.1	1.1
HDB	NHTM CP HDBank	8.0	7.5	4.9
MSN	CTCP Tập đoàn Masan	7.8	8.8	2.9
TN1	CTCP Rox Keys Holdings	6.9	6.6	0.5
MML	CTCP Masan Meatlife	5.8	8.2	1.8

Lợi nhuận hằng tháng

	T1	T2	T3	T4	T5	T6	T7	T8	T9	T10	T11	T12	LN từ đầu năm
2022	0.8%	0.6%	0.7%	0.7%	0.8%	0.5%	0.6%	0.6%	0.7%	0.6%	0.8%	0.4%	8.0%
2023	0.7%	0.6%	0.7%	0.7%	0.8%	0.3%	0.5%	0.8%	0.7%	0.7%	0.7%	0.6%	8.0%
2024	0.7%	0.6%	0.5%	0.5%	0.5%	0.5%	0.5%	0.5%					4.4%

Thông tin quan trọng

Những thông tin trên đây do Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ VinaCapital (“Công ty”) soạn thảo và/hoặc có thể được cập nhật, sửa đổi, điều chỉnh và xác minh thêm mà không cần phải thông báo.

Thông tin trên không tạo thành và/hoặc hình thành nên một phần của bất kỳ chào bán nào hoặc đề nghị mua hoặc đăng ký mua bất kỳ chứng khoán nào cũng như không tạo thành căn cứ hoặc liên quan đến hoặc coi như là sự dẫn dụ tham gia vào bất kỳ hợp đồng hoặc cam kết dưới bất kỳ hình thức nào. Đối với những thông tin dự báo dựa trên việc ước tính và/hoặc ý kiến của Công ty tại thời điểm thông tin được đưa ra, Công ty sẽ không có nghĩa vụ cập nhật và/hoặc chỉnh sửa nếu các tình huống có thay đổi.